

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 24

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Nui xoắn nấu thịt heo, su su, bắp mỹ, cải dúng
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá diêu hồng chiên sả
- Canh su hào nấu thịt bò, nấm đùi gà
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Súp thịt gà khoai lang, đậu hà lan, bí đỏ, trứng gà, bột năng, hành ngò

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	100	4,180	4,180
5	0004	Gạo tẻ máy	1,500	2,560	38,400
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0750	Nui	300	4,620	13,860
9	N0770	Thịt nạc dăm	300	18,800	56,400
10	0180	Su su	200	3,050	6,100
11	0007	Ngò bắp tươi	100	3,990	3,990
12	0716	Cải dún (nhúng)	100	5,570	5,570
13	N0754	Sả cây	50	3,360	1,680
14	N0799	Cá diêu hồng phi lê	1,100	22,680	249,480
15	0286	Thịt bò loại II	300	36,750	110,250
16	0178	Su hào	700	4,410	30,870
17	0635	Nấm đùi gà	100	9,560	9,560
18	0649	Bột năng	200	4,637.5	9,275
19	N0772	Thịt ức gà	400	12,920	51,680
20	0031	Khoai lang	200	4,100	8,200
21	0113	Đậu Hà Lan	50	63,420	31,710
22	0085	Bí đỏ (bí ngô)	300	3,360	10,080
23	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
24	0646	Bánh pudding	960	11,800	113,280
25	0457	Sữa bột toàn phần	464.5	20,500	95,223
Tổng chợ					887,998

Tổng tiền thực phẩm	887,998
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	888,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	2
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	7,733,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	7,732,998

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan